

Bản án số: 10/2023/HNGĐ- ST

Ngày 17/01/2023

V/v “Ly hôn; Tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thế
2. Ông Phạm Văn Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2022/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022 “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H T, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ tạm trú: Khu dân cư H, thị trấn V, huyện V, thành phố H (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh T(Có mặt).

3. Những người làm chứng:

- Bà Hoàng Thị R, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh T(Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu dân cư H, thị trấn V, thành phố H(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2016 tại UBND xã M, huyện S, tỉnh T. Sau khi kết hôn anh chị về thị trấn V, huyện V, thành phố H làm ăn sinh sống. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cuộc sống có phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhưng cả hai vợ chồng vẫn hóa giải được. Cho đến năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên sâu sắc, trầm trọng và chính thức ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa, Anh T đã về Thôn C, xã M sống cùng bố mẹ. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Đến nay, cả hai vợ chồng đều có thời gian suy nghĩ, xác định lại tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ và tương lai của cả hai nhưng anh chị vẫn không thể hàn gắn mâu thuẫn, quay về đoàn tụ. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/3/2017. Cháu L vẫn ở Hải Phòng cùng chị. Hiện tại chị và Anh T không thông nhất được ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên chị đề nghị Tòa án xem xét vì Cháu L còn nhỏ, hiện tại cháu mới được hơn 5 tuổi, cháu cần sự quan tâm chăm sóc, tình cảm của mẹ nhiều hơn là bố. Bản thân Cháu L cũng biếng ăn, nhút nhát hơn các bạn nên từ trước tới giờ cháu đã quen với sự chăm sóc của mẹ và bà ngoại cháu là bà Nguyễn Thị V, cháu cũng quen với môi trường bạn bè, trường lớp, việc thay đổi môi trường sống trong thời điểm hiện tại sẽ rất ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Bản thân chị có thu nhập ổn định từ việc kinh doanh, buôn bán tại Thị trấn V, thành phố H, mẹ chị là bà Nguyễn Thị V (sinh năm 1970) còn rất khỏe và sẵn sàng hỗ trợ chị trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng Cháu L. Tháng 12 năm 2022, chị và Anh T đã phân chia xong vốn và lợi nhuận trong việc kinh doanh chung của vợ chồng, sau đó chị đã đăng ký kinh doanh riêng tên chị. Hiện tại chị đã thuê kho khác và thuê thêm 03 nhân viên làm việc, chị chỉ quản lý chung nên có nhiều thời gian chăm sóc gia đình và con cái. Thu nhập bình quân mỗi tháng của chị khoảng 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Do vậy, chị xác định chị có đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc con chung để cháu phát triển tốt nhất, toàn diện nhất. Đề nghị Tòa án giao Cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2016 tại UBND xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh sinh ra và lớn lên ở Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, còn Chị T sinh ra và lớn lên ở huyện V, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị về Thị trấn V, huyện V, thành phố H làm ăn sinh sống. Ban đầu hai vợ chồng kinh doanh nhỏ lẻ quần áo hàng thùng. Thời gian đầu (từ năm 2017-2019) do Chị T mới sinh, con nhỏ nên chị làm là chủ yếu. Đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng anh chuyển sang bán buôn chứ

không bán lẻ nữa. Đến năm 2021 thì anh đăng ký kinh doanh. Hiện tại vợ chồng anh có 01 nhà và 02 kho bãi và 01 căn nhà thuê. Đối với căn nhà thì hiện tại mẹ Chị T và em gái Chị T đang ở, vợ chồng anh ở nhà thuê cùng với con trai, riêng 02 kho bãi chỉ để phục vụ hoạt động kinh doanh. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị thời gian đầu hạnh phúc. Bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn nhỏ từ năm 2018, vợ chồng vẫn khắc phục được. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do quan hệ giữa Chị T và gia đình anh không được tình cảm, Chị T thờ ơ, lãnh đạm, không tôn trọng gia đình nhà chồng. Đến khoảng tháng 6 năm 2021 thì anh phát hiện Chị T có biểu hiện không chung thủy, quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh có đọc được tin nhắn Chị T nhắn với người đàn ông đó với nội dung tình cảm trên mức bạn bè. Anh có khuyên bảo, tham gia góp ý thì Chị T không nghe, không chấm dứt, coi thường lời nói của anh. Tuy nhiên, anh không có bằng chứng. Khoảng 02 tháng trở lại đây thì Chị T công khai thường xuyên đi lại với người đó mặc dù anh đã nghi ngờ và nói chuyện với Chị T yêu cầu không quan hệ gì với người đó. Xét thấy vợ chồng không còn tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chúng tôi đã quyết định ly hôn.

Đối với quan hệ con chung thì hiện tại anh chị không thống nhất được ai là người trực tiếp nuôi con nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được quyền nuôi cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/3/2017 là con chung của anh chị. Bản thân Cháu L trước đây có biểu hiện chậm phát triển hơn các cháu cùng trang lứa, cháu chậm nói, chậm giao tiếp và các hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Qua 03 năm dưới sự chăm sóc của anh, sự cố gắng của hai bố con thì hiện tại cháu đã phát triển bình thường. Còn Chị T thì không dành nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc đến con mặc dù công việc không quá bận rộn.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh T xác định sau khi ly hôn anh sẽ về sống cùng bố mẹ tại Thôn C, xã M, huyện S, bố mẹ anh có 01 nhà xây cấp IV kiên cố, gia đình 02 anh trai đã lấy vợ và ra ở riêng, bố mẹ anh làm ruộng và chăn nuôi tại nhà, ông bà còn khỏe và đồng ý phụ giúp anh trong việc trông con. Còn việc kinh doanh buôn bán dưới Hải Phòng anh sẽ sang nhượng cho vợ anh và anh chuyển hẳn về Sơn Dương kinh doanh riêng và vẫn kinh doanh mặt hàng đó. Việc kinh doanh đó của anh chỉ làm vào ban ngày, không phải làm ca kíp, đêm hôm. Tuy nhiên, tại phiên tòa Anh T thay đổi lời khai xác định bản thân anh hiện đã chuyển xuống Thị trấn V, huyện V, thành phố H thuê nhà (vừa dùng để kinh doanh vừa có thể sử dụng để ở) và đã đăng ký kinh doanh mặt hàng quần áo may đo bán sẵn. Anh đã ký hợp đồng thuê cửa hàng vào ngày 10/01/2023 và đăng ký kinh doanh vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2022, vốn đăng ký là 20.000.000đ nhưng thực tế vốn anh đã bỏ ra là hơn 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) thực tế anh bắt đầu kinh doanh vào đầu tháng 12 năm 2022, từ khi bắt đầu kinh doanh đến nay lợi nhuận anh thu được vào khoảng 20.000.000đ/tháng. Về hợp đồng thuê nhà và Giấy phép đăng ký kinh doanh thì tại phiên tòa hôm nay anh không mang đi, do vậy anh không cung cấp cho Tòa án được. Lý do anh chuyển xuống Hải Phòng không phải vì anh cho rằng ở đó điều kiện kinh tế, sinh hoạt tốt hơn Tuyên Quang mà do anh muốn thời gian đầu vợ chồng ly hôn thì con chung của anh chị vẫn được ở gần cả bố và mẹ. Do vậy, anh xác định anh có đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc con chung để Cháu L phát triển tốt nhất, toàn diện nhất.

- Về tài sản, đất đai, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Khu dân cư H, thị trấn V và UBND thị trấn V thể hiện: Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T làm ăn, sinh sống ở tại Khu dân cư H, thị trấn V, thành phố H được khoảng hơn 01 năm. Chị T kinh doanh buôn bán quần áo có điều kiện kinh tế ổn định. Hiện nay Chị T và Anh T không còn chung sống cùng nhau, khoảng 04 đến 05 tháng gần đây không thấy Anh T sinh sống ở khu dân cư Hòa Bình nữa, công việc kinh doanh đều do Chị T quản lý và buôn bán. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh năm 2017, hiện nay Cháu L đang ở cùng Chị T. Xét về điều kiện và kinh tế và các điều kiện khác về chăm sóc con chung thì nên giao Cháu L cho Chị T nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế. Theo số liệu mà đại diện UBND thị trấn V, thành phố H cung cấp thì căn cứ số liệu thống kê năm 2022 xác định được mức thu nhập bình quân đối với người làm nghề lao động tự do trên địa bàn thị trấn V, thành phố H là 85.200.000đồng/1 người/1 năm bằng 7.100.000đồng/01 người/01 tháng.

Đại diện phía Trường mầm non thị trấn V, thành phố H cung cấp: Cháu Nguyễn Hoàng L, sinh năm 2017 đang là học sinh lớp mẫu giáo 5 tuổi 4, trường mầm non Thị trấn V, huyện V, thành phố H. Tại lớp Cháu L là học sinh phát triển bình thường, tính khá nhút nhát. Thường ngày việc đi học đều do Chị T và bà ngoại cháu đưa đón, chỉ thỉnh thoảng mới thấy bố cháu đưa đón. Theo nhà trường việc giao con chung nên giao Cháu L cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp vì Chị T chăm sóc cháu rất chu đáo, bản thân Cháu L ăn uống kém, kén chọn, biếng ăn nên mẹ cháu thường xuyên chuẩn bị thêm đồ ăn ngoài, đồ ăn bữa phụ theo sở thích của cháu mang theo đến trường để giáo viên cho cháu ăn thêm. Cháu L cũng có chậm hơn so với các bạn cùng trang lứa nên trường hợp bố mẹ cháu không đoàn tụ nhà trường cũng đề nghị Tòa án xem xét giao quyền nuôi con cho mẹ cháu vì phụ nữ chăm sóc con sẽ tỉ mỉ, chu đáo và gần gũi, tình cảm hơn đàn ông.

Kết quả xác minh tại Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh T và UBND xã M, huyện S thể hiện: Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã M, huyện S. Anh chị kết hôn vào năm 2016, sau đó về làm ăn, sinh sống tại Thị trấn V, huyện V thành phố H, không có thời gian nào sinh sống tại Thôn C, xã M nên mâu thuẫn vợ chồng của hai anh chị thôn không nắm được. Anh T mới về ở cùng bố mẹ đẻ tại Thôn C, xã M được một thời gian ngắn. Gia đình bố mẹ đẻ của Anh T có 05 nhân khẩu gồm bố đẻ của Anh T là ông Nguyễn Văn An, mẹ đẻ của Anh T là bà Hoàng Thị R, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H T và cháu Nguyễn Hoàng L. Hộ ông An là hộ cận nghèo của địa phương, sinh sống cùng nhau trong 01 ngôi nhà xây cấp IV, ông An và Bà R làm ruộng, bản thân ông An đang bị bệnh ung thư. Đối với nghề nghiệp của Anh T thì thôn không nắm được.

Đại diện UBND xã M cung cấp: Tháng 10 năm 2022 chính quyền địa phương căn cứ vào đơn của công dân và xem xét điều kiện thực tế đã xét duyệt cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn A được hưởng chế độ hộ cận nghèo từ tháng 01 năm 2023. Đối với mức thu nhập bình quân của người dân làm nghề lao động tự do tại địa bàn xã Minh T là 2.625.000đồng/1 người/1 tháng.

Lời khai của bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H T có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hiện bà đang sống cùng Chị T tại Khu dân cư H, thị trấn V, huyện V, thành phố H. Quá trình sinh hoạt bà có phụ giúp Chị T trông nom, chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng L. Sức khỏe của bà ổn định, bình thường, đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Cháu L.

Lời khai của bà Hoàng Thị R (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T) phù hợp với kết quả xác minh tại Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Bà R xác định gia đình bà hiện có 05 nhân khẩu gồm ông Nguyễn Văn An, bà Hoàng Thị R, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H T và cháu Nguyễn Hoàng L. Gia đình bà là hộ cận nghèo của địa phương, sinh sống cùng nhau trong 01 ngôi nhà xây cấp IV, ông bà làm ruộng. Hiện Anh T vẫn đang ở Thị trấn V, huyện V, thành phố H. Dự định sắp tới sau khi giải quyết ly hôn xong anh cũng sẽ về ở cùng gia đình bà tại Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Bà có quan điểm xác định điều kiện sinh hoạt, chỗ ở, kinh tế của gia đình đều đảm bảo để nuôi Cháu L. Bản thân bà còn khỏe nên hoàn toàn đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 55, 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử*:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T.

- Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/3/2017 cho chị Nguyễn Thị H T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại

Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2016 tại UBND xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc từ năm 2021 đến đầu năm 2022 thì chính thức ly thân. Còn Anh T thì xác định nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh do quan hệ giữa Chị T và gia đình anh không được tình cảm, Chị T thờ ơ, lãnh đạm, không tôn trọng gia đình nhà chồng, ngoài ra còn do Chị T có biểu hiện không chung thủy, quan hệ bất chính với người đàn ông khác (anh không có bằng chứng), khi anh khuyên bảo, góp ý thì Chị T không những không nghe mà còn coi thường anh. HĐXX thấy rằng, mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn và bị đơn về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đương sự đều thừa nhận thực tế mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, có việc xúc phạm nhau. Hai vợ chồng đã không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau được một thời gian, thực tế cuộc sống vợ chồng đã không tồn tại từ khoảng đầu năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả hai đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận ly hôn giữa hai vợ chồng. Do vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng Chị T và Anh T sinh được 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/3/2017. Hiện nay Cháu L đang ở cùng mẹ và bà ngoại tại Thị trấn V, huyện V, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án cả hai đương sự đều đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con và không có yêu cầu về cấp dưỡng. HĐXX thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của cả hai đương sự đều chính đáng, tuy nhiên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX nhận định: Hiện tại Chị T và Anh T đã phân chia xong vốn và lợi nhuận từ việc kinh doanh chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, theo đó Chị T tiếp tục công việc kinh doanh nêu trên và phải có trách nhiệm thanh toán tiền mặt cho Anh T, thu nhập bình quân của Chị T khoảng 30.000.000đ/tháng nên có thể xác định công việc của Chị T là ổn định. Còn Anh T xác định đã đăng ký kinh doanh riêng và mới bắt đầu đi vào kinh doanh các thời điểm xét xử chưa được 01 tháng, lợi nhuận từ khi kinh doanh đến nay theo Anh T khai là vào khoảng 20.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, cả hai đương sự đều không cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập của mình. Theo lời khai của Anh T thì bản thân Anh T hiện đang sống một mình tại Thị trấn V, huyện V, thành phố H. Còn Chị T sống cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị V hiện vẫn còn trong độ tuổi lao động. Kết quả xác minh xác định được mức thu nhập bình quân của người làm nghề lao động tự do trên địa bàn xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương xác định được là 2.625.000đồng/người/tháng; mức thu nhập bình quân đối với người làm nghề lao động tự do trên địa bàn Thị trấn V, huyện V, thành phố H là 85.200.000đồng/người/năm (bằng 7.100.000đồng/người/tháng). Mặc dù hiện tại Cháu L đã hơn 36 tháng, nhưng xét thấy

cháu còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của mẹ (tính đến ngày xét xử mới được gần 06 tuổi). Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cả hai bên đương sự, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của Cháu L cần giao Cháu L cho chị Nguyễn Thị H T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55; 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

** Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/3/2017 cho chị Nguyễn Thị H T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002416 ngày 08

tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Sơn Hải - Nguyễn Văn Vân

Phạm Thị Thùy Trâm